



**Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế
Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026**



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

4100259564

ngày 1 tháng 9 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Tài chính Tỉnh Gia Lai cấp ngày 11 tháng 9 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Ông Tạ Nam Bình
Ông Nguyễn Tiến Hải
Bà Phạm Thị Thanh Hương
Ông Nguyễn Ngọc Dũng
Ông Trương Thanh Liêm
Bà Nguyễn Thị Minh Giang
Ông Phan Tấn Thư

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thị Minh Giang
Ông Phan Tấn Thư

Chủ tịch
Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Phạm Thị Thanh Hương
Ông Nguyễn Ngọc Dũng
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 498 Đường Nguyễn Thái Học
Phường Quy Nhơn Nam
Tỉnh Gia Lai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)
Báo cáo của Ban Giám đốc

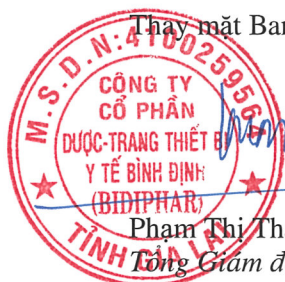
Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, ngày 21 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 63.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, đã được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2026 và báo cáo soát xét ngày 22 tháng 8 năm 2025.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00416-26-2



Nguyễn Thùy Ninh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hoàng Anh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3434-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2026



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		1.599.206.072.871	1.480.040.155.611
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	49.101.123.201	202.783.644.602
Tiền	111		22.601.123.201	54.783.644.602
Các khoản tương đương tiền	112		26.500.000.000	148.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9(a)	481.892.797.667	413.596.450.835
Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		481.891.404.367	413.595.057.535
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		514.572.570.301	477.419.351.814
Phải thu của khách hàng	131	10	494.250.591.878	495.347.003.230
Trả trước cho người bán	132	11	72.952.524.729	40.788.245.884
Phải thu ngắn hạn khác	135	13	9.887.102.562	4.538.112.905
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	12	(62.517.648.868)	(63.254.010.205)
Hàng tồn kho	140	14	530.805.374.599	366.109.634.763
Hàng tồn kho	141		557.226.025.233	397.619.665.024
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(26.420.650.634)	(31.510.030.261)
Tài sản ngắn hạn khác	160		22.834.207.103	20.131.073.597
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	15(a)	9.711.730.109	8.972.511.923
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		11.218.920.888	10.800.145.333
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	24(b)	1.903.556.106	358.416.341

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		1.210.659.235.344	1.116.173.559.655
Tài sản cố định	220		342.695.245.932	354.759.576.495
Tài sản cố định hữu hình	221	16	260.992.967.768	272.520.459.520
Nguyên giá	222		852.925.717.225	850.722.766.638
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(591.932.749.457)	(578.202.307.118)
Tài sản cố định vô hình	227	17	81.702.278.164	82.239.116.975
Nguyên giá	228		103.210.817.688	103.210.817.688
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21.508.539.524)	(20.971.700.713)
Tài sản sinh học dài hạn	230		853.557.050	950.687.803
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237	18	853.557.050	950.687.803
Bất động sản đầu tư	240	19	6.241.610.827	-
Nguyên giá	241		6.942.700.361	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(701.089.534)	-
Tài sản dở dang dài hạn	250		621.078.107.450	539.211.914.318
Xây dựng cơ bản dở dang	252	20	621.078.107.450	539.211.914.318
Đầu tư tài chính dài hạn	260		182.934.345.590	163.965.069.911
Đầu tư vào một công ty liên kết	262	9(b)	181.420.810.619	162.451.534.940
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	9(c)	3.513.534.971	3.513.534.971
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	270		56.856.368.495	57.286.311.128
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	15(b)	41.990.483.608	41.525.899.197
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	43(e)	14.865.884.887	15.760.411.931
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		2.809.865.308.215	2.596.213.715.266

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.072.851.707.885	860.234.784.589
Nợ ngắn hạn	310		712.291.233.156	587.673.892.225
Phải trả người bán	311	21	224.154.879.578	217.824.029.248
Người mua trả tiền trước	312	22	11.819.199.344	15.454.643.486
Phải trả cổ tức	313	23	190.075.119.250	1.600.459.750
Thuế phải nộp Nhà nước	314	24(a)	25.352.741.007	53.527.734.518
Phải trả người lao động	315		93.155.241.737	93.472.143.498
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	25	29.143.010.254	26.188.049.685
Doanh thu ngắn hạn chờ phân bổ	319		654.545.454	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	26	2.872.696.725	8.280.797.971
Vay ngắn hạn	321	27(a)	31.006.411.983	43.214.775.628
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	28	104.057.387.824	128.111.258.441
Nợ dài hạn	330		360.560.474.729	272.560.892.364
Vay dài hạn	339	27(b)	226.069.878.401	132.000.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	343	29	10.110.176.000	7.790.562.288
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344	30	124.380.420.328	132.770.330.076
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.737.013.600.330	1.735.978.930.677
Vốn cổ phần	411	32	945.293.470.000	945.293.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		945.293.470.000	945.293.470.000
Thặng dư vốn	412		20.921.442.000	20.921.442.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414	33	1.822.619.130	2.242.183.741
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	32	(1.952.796.558)	(1.952.796.558)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		9.908.587.186	8.804.077.510
Quỹ đầu tư phát triển	418		230.880.981.458	230.880.981.458
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		530.139.297.114	529.789.572.526
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		360.714.670.271	307.961.246.104
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	420b		169.424.626.843	221.828.326.422
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.809.865.308.215	2.596.213.715.266

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập



Lê Thị Kiều My
 Người lập

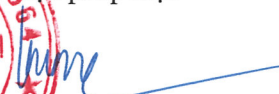
Kế toán Trưởng



Đỗ Huy Phương
 Kế toán Trưởng



Đại diện pháp luật



Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng	01	36	938.074.826.342	952.540.025.986
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	36	18.321.530.242	36.957.955.944
Doanh thu thuần từ bán hàng (10 = 01 - 02)	10	36	919.753.296.100	915.582.070.042
Giá vốn hàng bán	11	37	490.419.636.890	444.959.413.874
Lợi nhuận gộp từ bán hàng (20 = 10 - 11)	20		429.333.659.210	470.622.656.168
Doanh thu hoạt động tài chính	22	38	17.963.000.828	9.208.164.187
Chi phí tài chính	23	39	8.242.220.055	6.696.479.833
Trong đó: Chi phí đi vay	24		1.502.114.786	1.504.623.076
Chi phí bán hàng	25	40	205.280.833.527	225.733.997.522
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	48.223.578.095	54.251.622.322
Phần lãi trong một công ty liên kết	27	9(b)	18.396.955.779	11.591.141.682
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27}	30		203.946.984.140	204.739.862.360
Thu nhập khác	31		93.758.005	205.026.156
Chi phí khác	32		685.279.268	2.298.476.386
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(591.521.263)	(2.093.450.230)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		203.355.462.877	202.646.412.130
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	43	32.991.010.743	31.451.910.275
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	43	894.527.044	(151.253.729)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		169.469.925.090	171.345.755.584

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60	169.469.925.090	171.345.755.584
Phân bổ:			
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	169.469.925.090	171.345.755.584
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	-	-
Lãi trên cổ phiếu			(Đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 44	1.668	1.703

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập



Lê Thị Kiều My
 Người lập

Kế toán Trưởng



Đỗ Huy Phương
 Kế toán Trưởng

Đại diện pháp luật



Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	203.355.462.877	202.646.412.130
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	19.707.336.031	25.512.466.348
Các khoản dự phòng	03	(3.492.577.252)	(5.668.330.725)
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	219.075.310	(16.859.961)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(35.420.187.082)	(20.074.270.788)
Chi phí đi vay	06	1.502.114.786	1.504.623.076
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	185.871.224.670	203.904.040.080
(Tăng) các khoản phải thu và tài sản khác	09	(9.597.557.555)	(16.872.909.643)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(159.509.229.456)	57.418.107.582
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	30.015.758.826	(66.799.854.595)
(Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12	(1.203.802.597)	699.914.637
		45.576.393.888	178.349.298.061
Chi phí đi vay đã trả	14	(1.502.114.786)	(1.605.116.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.463.749.851)	(19.979.918.571)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.248.815.372
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.629.597.684)	(3.265.783.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(29.019.068.433)	154.747.295.089
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(155.269.025.478)	(89.015.835.241)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(164.942.143.835)	(98.700.000.000)
Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	98.500.000.000	23.319.765.300
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	15.688.180.359	8.596.476.637
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(206.022.988.954)	(155.799.593.304)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	198.136.924.754	28.948.466.352
Tiền trả nợ gốc vay	34	(116.275.409.998)	(27.913.500.637)
Tiền chi trả cổ tức	36	(503.864.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	81.357.650.256	1.034.965.715
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(153.684.407.131)	(17.332.500)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	202.783.644.602	314.198.731.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	1.885.730	(4.207.418)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	49.101.123.201	314.177.191.907

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập

 Lê Thị Kiều My
 Người lập

Kế toán Trưởng

 Đỗ Huy Phương
 Kế toán Trưởng

Đại diện pháp luật


 Phạm Thị Thanh Hương
 Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026**

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) (“Công ty”) tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) lần đầu số 4100259564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ công trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang mô hình công ty cổ phần theo GCNĐKDN số 4100259564 điều chỉnh lần thứ 1 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp ngày 1 tháng 3 năm 2014, và GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 14 ngày 11 tháng 9 năm 2025 được cấp bởi Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch cổ phiếu là DBD theo Giấy phép số 185/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 24 tháng 5 năm 2018.

(b) Các hoạt động chính

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

ẤN
CỔ
TR
TẾ
(BII)
TNP

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2026: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết).

Thông tin về các công ty con và công ty liên kết chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày 30/6/2026	1/1/2026	Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày 30/6/2026	1/1/2026
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Bidiphar	Bán buôn và bán lẻ dược phẩm, dược liệu và vật tư y tế	Số 365 đường Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH MTV Dược liệu Hữu cơ	Sản xuất dược phẩm, hóa dược và dược liệu	Thôn 3, xã An Toàn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su thiên nhiên	Số 498 đường Nguyễn Thái Học, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	33,58%	33,58%	33,58%	33,58%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Nhóm Công ty có 1.509 nhân viên (1/1/2026: 1.375 nhân viên).



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi và bổ sung Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”), sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực từ ngày ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Nhóm Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 và Thông tư 43 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Nhóm Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(b));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(d)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh 4(e));
- Tài sản sinh học (Thuyết minh 4(g)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh 4(n)).

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả trong Thuyết minh 3.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch và số dư được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Nhóm Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Nhóm Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sự thay đổi trong chính sách kế toán trên không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm khoản lãi phải thu liên quan). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải thu lãi tiền gửi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương ứng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải thu lãi tiền gửi này được ghi nhận trong khoản mục phải thu khác (Thuyết minh 4(e)).

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc không quá hạn nhưng được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như có đề cập ở Thuyết minh 4(d)(i), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, các khoản phải thu lãi tiền gửi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong khoản mục phải thu khác.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản sinh học

Tài sản sinh học bao gồm cây trồng lấy sản phẩm một lần.

Tài sản sinh học được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất tài sản. Giá gốc ban đầu của tài sản sinh học bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc nuôi trồng, chăm sóc tài sản cho đến khi tài sản đạt đến giai đoạn trưởng thành hoặc thời điểm thu hoạch. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học được trích lập khi có bằng chứng cho thấy tài sản bị tổn thất hoặc khi giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá trị ghi sổ.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 4 – 43 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 4 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 4 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 4 – 10 năm |
| ▪ cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ | 6 năm |

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm, theo thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là từ 4 năm đến 10 năm.

(j) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 10 – 25 năm

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(l) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 46 đến 50 năm.

(ii) Chi phí bảo trì và sửa chữa

Chi phí bảo trì và sửa chữa các máy móc và thiết bị được phản ánh theo giá gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được trình bày trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (Thuyết minh 4(n)). Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được trình bày trong khoản mục phải trả khác.

(n) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận vào thời điểm Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua nghị quyết phê duyệt việc chi trả cổ tức.

Như có đề cập ở Thuyết minh 4(m), sau ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được trình bày trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4
CỔ
CỔ
C-TR
Y TẾ
(B)
TIN

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên Nhóm Công ty và phúc lợi xã hội theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

(r) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được sử dụng theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Định kỳ, Nhóm Công ty lập báo cáo về mức trích, sử dụng, quyết toán Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và nộp cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(s) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu mua lại của chính mình/cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu mua lại của chính mình/cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại (i) các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc (ii) mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(t) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(u) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(v) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia từ một công ty liên kết và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Cổ tức được chia từ một công ty liên kết được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức từ công ty liên kết được xác lập. Cổ tức liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(x) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(y) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Trong kỳ, Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(z) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh được phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Vì vậy, Ban Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các thiết bị, dụng cụ y tế trong một khu vực địa lý. Do đó, không có yêu cầu trình bày thêm thông tin bộ phận.

(aa) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(bb) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ trước.

Ngoại trừ một số thông tin được phân loại lại như được trình bày ở Thuyết minh 47, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và các thông tin so sánh khác cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất, kinh doanh dược phẩm và trang thiết bị y tế. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, các hoạt động này không chịu tác động đáng kể của tính thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ của năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Nhóm Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Nhóm Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	652.307.609	1.545.696.148
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng (*)	21.948.815.592	53.237.948.454
Các khoản tương đương tiền (**)	26.500.000.000	148.000.000.000
	49.101.123.201	202.783.644.602

(*) Chi tiết về số dư của các khoản tiền gửi không kỳ hạn theo từng ngân hàng chiếm từ 10% trên tổng số dư của tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tên ngân hàng:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.244.672.368	38.790.078.924
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	5.175.057.696	1.160.274.378
▪ Các ngân hàng khác	6.529.085.528	13.287.595.152
	21.948.815.592	53.237.948.454

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

- (**) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 4,70% đến 4,75% (1/1/2026: từ 4,30% đến 4,75%).

Chi tiết số dư của các khoản tương đương tiền chiếm từ 10% trên tổng số dư của các khoản tương đương tiền như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	10.000.000.000	26.000.000.000
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	10.000.000.000	30.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	6.500.000.000	23.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	-	69.000.000.000
	<u>26.500.000.000</u>	<u>148.000.000.000</u>

9. Đầu tư tài chính

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh	1.393.300	1.393.300
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (a)	481.891.404.367	413.595.057.535
	<u>481.892.797.667</u>	<u>413.596.450.835</u>
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết (b)	181.420.810.619	162.451.534.940
Đầu tư vào các đơn vị khác (c)	3.513.534.971	3.513.534.971
	<u>184.934.345.590</u>	<u>165.965.069.911</u>
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
	<u>182.934.345.590</u>	<u>163.965.069.911</u>

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026	
	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)			
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	128.506.273.973	128.506.273.973	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Định	89.418.175.342	89.418.175.342	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định	79.883.644.931	79.883.644.931	-
▪ Ngân hàng Việt Nam Hiện Đại – Chi nhánh Bình Định	76.376.356.164	76.376.356.164	-
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	71.254.136.986	71.254.136.986	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bình Định	36.452.816.971	36.452.816.971	-
	481.891.404.367	481.891.404.367	-
		413.595.057.535	413.595.057.535

(*) Các số dư này phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 5,20% đến 8,50% (1/1/2026: từ 5,20% đến 8,50%).



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	30/6/2026			1/1/2026		
	Số lượng cổ phần	% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phần	% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	7.145.389	33,58%	181.420.810.619	7.145.389	33,58%	162.451.534.940

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ. Dựa vào kết quả hoạt động hiện tại của công ty này, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar.

Biến động của giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	162.451.534.940	162.728.191.614
Phần lợi nhuận được chia trong kỳ	18.396.955.779	11.591.141.682
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.104.509.676	(5.073.654.102)
Khác	(532.189.776)	(1.035.567.257)
Số dư cuối kỳ	181.420.810.619	168.210.111.937

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các đơn vị khác

	Số lượng cổ phần	% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thiên Phúc	200.000	10%	2.000.000.000	(*)	(2.000.000.000)
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	205.710	3,4%	1.513.534.971	(*)	-
			3.513.534.971		(2.000.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 được trình bày như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	Số 16 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất dược phẩm, hóa dược và dược liệu
Công ty Cổ phần Thiên Phúc	Lô 4 đường Võ Duy Dương, cụm công nghiệp Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất, gia công chai lọ, ống thủy tinh

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

10. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam	45.131.856.249	(45.131.856.249)	45.131.856.249	(45.131.856.249)
Các khách hàng khác	449.118.735.629	(13.753.352.980)	450.215.146.981	(14.492.816.717)
	494.250.591.878	(58.885.209.229)	495.347.003.230	(59.624.672.966)

11. Trả trước cho người bán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Khai Đạt	11.690.796.341	-
Công ty Kỹ thuật Việt Sơn	8.868.295.372	4.434.147.686
Công ty Công Nghệ Nam Việt	5.286.113.136	2.329.100.568
Công ty TNHH Cơ khí Dược Tuấn Thắng	4.185.000.000	-
Công ty Vàng bạc Đá quý Sacombank	4.099.944.800	83.314.000
Các nhà cung cấp khác	38.822.375.080	33.941.683.630
	72.952.524.729	40.788.245.884

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2026			1/1/2026		
	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá trị gốc nợ VND
Phải thu của khách hàng						
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Kỹ thuật Đông Nam (i)	Trên 3 năm	45.131.856.249	(45.131.856.249)	-	Trên 3 năm	45.131.856.249
Công ty TNHH Kiến Tạo (ii)	Trên 3 năm	11.539.449.445	(11.539.449.445)	-	Trên 3 năm	11.560.756.445
Các khách hàng khác	Trên 181 ngày	3.830.851.942	(2.213.903.535)	1.616.948.407	Trên 181 ngày	5.255.292.623
		60.502.157.636	(58.885.209.229)	1.616.948.407		61.947.905.317
						(59.624.672.966)
						2.323.232.351
Trả trước cho người bán						
	Từ 1 đến 3 năm	1.470.549.538	(1.350.578.172)	119.971.366	Trên 181 ngày	1.474.299.538
						(1.347.475.772)
						126.823.766
Phải thu khác						
	Trên 3 năm	2.281.861.467	(2.281.861.467)	-	Trên 3 năm	2.281.861.467
						(2.281.861.467)
						-
		64.254.568.641	(62.517.648.868)	1.736.919.773		65.704.066.322
						(63.254.010.205)
						2.450.056.117

- (i) Nhóm Công ty đã nhận được quyết định của Tòa án liên quan đến khoản phải thu còn tồn đọng này. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, khách hàng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định. Các thủ tục thi hành án hiện đang được tiến hành. Xét đến tính không chắc chắn liên quan đến thời điểm thu hồi và khả năng thu hồi khoản phải thu này, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đối với toàn bộ khoản phải thu nói trên.
- (ii) Khách hàng đã đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán khoản nợ. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo, khoản phải thu này đã quá hạn thanh toán trong thời gian đáng kể. Xét đến việc chậm thanh toán kéo dài và sự không chắc chắn về khả năng thu hồi khoản nợ, Nhóm Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất đối với toàn bộ khoản phải thu này.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	63.254.010.205	68.071.958.860
Dự phòng tăng trong kỳ	68.931.909	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(805.293.246)	(2.636.652.332)
Số dư cuối kỳ	62.517.648.868	65.435.306.528

13. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Phải thu bồi thường từ bảo hiểm (*)	4.992.665.042	-
Tạm ứng cho người lao động	1.334.524.989	349.414.190
Lãi tiền gửi phải thu	151.027.400	670.179.453
Các khoản phải thu khác	3.408.885.131	3.518.519.262
	9.887.102.562	4.538.112.905

(*) Phải thu bồi thường từ bảo hiểm thể hiện khoản tiền mà Nhóm Công ty dự kiến sẽ nhận được từ đơn vị bảo hiểm liên quan đến thiệt hại gây ra do bão lũ ảnh hưởng đến hàng tồn kho của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	14.337.560.174	-	21.005.148.055	-
Nguyên vật liệu	319.652.342.248	(25.360.650.820)	232.926.577.547	(30.381.868.122)
Công cụ và dụng cụ	2.094.159.260	-	1.470.071.105	-
Chi phí sản xuất	38.244.696.699	-	27.386.165.637	-
kinh doanh dở dang				
Sản phẩm	168.911.483.307	(656.922.965)	110.681.721.156	(949.155.812)
Hàng hóa	13.985.783.545	(403.076.849)	4.149.981.524	(179.006.327)
	557.226.025.233	(26.420.650.634)	397.619.665.024	(31.510.030.261)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các yếu tố phân bổ phù hợp với bản chất của doanh nghiệp (bao gồm, nhưng không giới hạn, sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy móc vận hành, v.v.), đảm bảo tính minh bạch trong việc thể hiện giá thành sản phẩm và tính nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ báo cáo, Nhóm Công ty đã xác định một số hàng tồn kho chậm luân chuyển, suy giảm chất lượng và hết hạn sử dụng. Nhóm Công ty thực hiện đánh giá định kỳ về khả năng thu hồi của các hàng tồn kho này, và thực hiện các biện pháp thích hợp như thanh lý, xóa sổ hoặc tái chế/tái sử dụng nếu khả thi, phù hợp với các quy định hiện hành và chính sách nội bộ áp dụng.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	31.510.030.261	26.955.944.409
Tăng dự phòng trong kỳ	224.070.522	46.245.567
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(5.313.450.149)	(3.335.782.235)
Số dư cuối kỳ	26.420.650.634	23.666.407.741

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 24.851 triệu VND (1/1/2026: 29.628 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển và 1.569 triệu VND (1/1/2026: 1.882 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công cụ và dụng cụ	1.869.949.590	3.175.150.107
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.671.999.393	3.050.224.733
Tiền thuê trả trước	422.000.000	401.900.000
Khác	5.747.781.126	2.345.237.083
	9.711.730.109	8.972.511.923

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tiền thuê đất trả trước (*)	29.021.797.864	29.374.180.800
Chi phí bảo trì và sửa chữa	7.755.668.125	7.681.864.023
Công cụ và dụng cụ	2.435.237.754	2.758.811.094
Khác	2.777.779.865	1.711.043.280
	41.990.483.608	41.525.899.197

(*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư của các khoản tiền thuê đất đã trả trước theo hai (02) hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Sài Gòn – Nhơn Hội với thời hạn thuê đất đến ngày 17 tháng 6 năm 2066 và đến ngày 31 tháng 7 năm 2069.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tiền thuê đất trả trước với giá trị ghi sổ là 7.239 triệu VND (1/1/2026: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 27(b)).

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ VND (Phân loại lại)	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	234.506.001.444	539.907.206.653	52.098.421.330	23.144.792.657	1.066.344.554	850.722.766.638
Tăng trong kỳ	507.949.593	1.245.269.696	5.390.996.436	-	-	7.144.215.725
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	5.576.978.858	2.974.907.482	-	-	8.551.886.340
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(6.942.700.361)	-	-	-	-	(6.942.700.361)
Xóa sổ	(1.137.000.000)	(5.280.796.572)	-	(132.654.545)	-	(6.550.451.117)
Số dư cuối kỳ	226.934.250.676	541.448.658.635	60.464.325.248	23.012.138.112	1.066.344.554	852.925.717.225
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	154.323.014.593	363.203.754.437	42.117.875.601	18.024.490.209	533.172.278	578.202.307.118
Khấu hao trong kỳ	2.883.055.643	16.261.125.311	1.206.659.262	542.280.728	88.862.046	20.981.982.990
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(701.089.534)	-	-	-	-	(701.089.534)
Xóa sổ	(1.137.000.000)	(5.280.796.572)	-	(132.654.545)	-	(6.550.451.117)
Số dư cuối kỳ	155.367.980.702	374.184.083.176	43.324.534.863	18.434.116.392	622.034.324	591.932.749.457
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	80.182.986.851	176.703.452.216	9.980.545.729	5.120.302.448	533.172.276	272.520.459.520
Số dư cuối kỳ	71.566.269.974	167.264.575.459	17.139.790.385	4.578.021.720	444.310.230	260.992.967.768

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 432.452 triệu VND (1/1/2026: 431.881 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 112.165 triệu VND (1/1/2026: 118.269 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 27(b)).



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Chi tiết về số dư của các khoản tài sản cố định hữu hình chiếm từ 10% trên tổng số dư của các khoản tài sản cố định hữu hình (trình bày theo giá trị còn lại) như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Dây chuyền sản xuất thuốc tiêm ung thư	40.257.099.225	43.450.146.973
Nhà máy sản xuất thuốc tiêm ung thư	33.251.026.858	33.671.103.347
Các tài sản cố định hữu hình khác	187.484.841.685	195.399.209.200
	260.992.967.768	272.520.459.520

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	82.343.592.946	20.867.224.742	103.210.817.688
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.159.172.292	17.812.528.421	20.971.700.713
Khấu hao trong kỳ	113.156.766	423.682.045	536.838.811
Số dư cuối kỳ	3.272.329.058	18.236.210.466	21.508.539.524
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	79.184.420.654	3.054.696.321	82.239.116.975
Số dư cuối kỳ	79.071.263.888	2.631.014.276	81.702.278.164

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 16.012 triệu VND (1/1/2026: 14.093 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Chi tiết về số dư của các khoản tài sản cố định vô hình chiếm từ 10% trên tổng số dư của các khoản tài sản cố định vô hình (trình bày theo giá trị còn lại) như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Quyền sử dụng đất ở Thành phố Hồ Chí Minh	32.682.783.296	32.682.783.296
Quyền sử dụng đất ở Tỉnh Bình Định	8.964.906.874	9.047.950.282
Quyền sử dụng đất ở Thủ đô Hà Nội	7.932.120.000	7.932.120.000
Các tài sản cố định vô hình khác	32.122.467.994	32.576.263.397
	81.702.278.164	82.239.116.975

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản sinh học dài hạn

Chi tiết về số dư của các khoản tài sản sinh học dài hạn chiếm từ 10% trên tổng số dư của các khoản tài sản sinh học dài hạn như sau:

	30/6/2026			1/1/2026		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
				(Phân loại lại)	(Phân loại lại)	
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn						
▪Keo lai	242.075.885	242.075.885	-	242.075.885	242.075.885	-
▪Địa hoàng	205.822.442	205.822.442	-	205.822.442	205.822.442	-
▪Ba kích	167.198.165	167.198.165	-	167.198.165	167.198.165	-
▪Hà Thủ Ô	165.041.205	165.041.205	-	165.041.205	165.041.205	-
▪Khác	73.419.353	73.419.353	-	170.550.106	170.550.106	-
	853.557.050	853.557.050	-	950.687.803	950.687.803	-

19. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	6.942.700.361
Số dư cuối kỳ	6.942.700.361
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình	701.089.534
Số dư cuối kỳ	701.089.534
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	6.241.610.827

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Bất động đầu tư cho thuê của Nhóm Công ty là công trình nhà showroom nằm trên đường Tây Sơn, Phường Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê chưa được xác định bởi vì Nhóm Công ty chưa thực hiện việc định giá.

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	539.211.914.318	232.783.623.387
Tăng trong kỳ	95.958.037.695	31.898.801.234
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.551.886.340)	(20.290.888.477)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(25.575.711.296)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn	(3.147.048.438)	(4.138.801.273)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	(2.392.909.785)	-
Số dư cuối kỳ	621.078.107.450	214.677.023.575

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao (*)	577.005.314.017	503.589.550.775
Dây chuyền thuốc tiêm bột	23.496.972.309	23.496.972.309
Khác	20.575.821.124	12.125.391.234
	621.078.107.450	539.211.914.318

- (*) Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao là một trong những dự án đầu tư trọng điểm của Công ty, được triển khai tại Khu công nghiệp Nhơn Hội A, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, với quy mô khoảng 30.000 m². Dự án nhằm mở rộng năng lực sản xuất thuốc công nghệ cao, nâng cao năng lực cạnh tranh của Bidiphar và đáp ứng các tiêu chuẩn tiên tiến trong sản xuất dược phẩm trong nước và quốc tế. Tại ngày lập báo cáo này, dự án đang trong giai đoạn đầu tư, xây dựng và lắp đặt thiết bị.

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.747 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: không).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 446.295 triệu VND (1/1/2026: 220,562 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 27(b)).

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

21. Phải trả người bán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải trả người bán là bên thứ ba		
▪ Shanghai Tofflon Science and Technology Company Limited	32.628.495.000	33.458.881.599
▪ Cheiron Pharma GmbH	18.048.646.440	6.309.429.905
▪ Truking Technology Limited	12.591.236.550	13.001.682.260
▪ Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	8.871.784.504	19.264.779.810
▪ Các nhà cung cấp khác	152.014.717.084	145.789.255.674
	224.154.879.578	217.824.029.248

22. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty Cổ phần Dược VP-Pharma	2.675.302.863	5.940.546.470
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Trường Phúc	1.824.006.801	1.299.177.301
Công ty Cổ phần Rexton	1.515.628.950	1.381.288.200
Saba Trade Company Limited - Monglia	1.170.587.705	15.702.737
Khác	4.633.673.025	6.817.928.778
	11.819.199.344	15.454.643.486

23. Phải trả cổ tức

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Cổ tức của năm 2025 (Thuyết minh 34)	188.978.524.000	-
Cổ tức từ những năm trước	1.096.595.250	1.600.459.750
	190.075.119.250	1.600.459.750

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

24. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	30/6/2026 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.446.027.518	32.990.997.901	(62.463.737.009)	21.973.288.410
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	14.330.721.520	(14.330.721.520)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.173.158.693	8.060.742.159	(6.322.717.457)	2.911.183.395
Thuế giá trị gia tăng	405.646.343	1.427.113.112	(1.489.238.499)	343.520.956
Thuế xuất - nhập khẩu	-	161.195.768	(161.195.768)	-
Thuế khác	502.901.964	4.424.822.622	(4.802.976.340)	124.748.246
	53.527.734.518	61.395.593.082	(89.570.586.593)	25.352.741.007

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	297.134.515	267.698.135	-	564.832.650
Thuế nhập khẩu	-	25.506.934	-	25.506.934
Thuế thu nhập cá nhân	48.370.757	1.260.290.767	-	1.308.661.524
Thuế khác	12.911.069	(8.356.071)	-	4.554.998
	358.416.341	1.545.139.765	-	1.903.556.106

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí khuyến mãi	27.448.351.505	24.773.459.652
Chi phí khác	1.694.658.749	1.414.590.033
	29.143.010.254	26.188.049.685

26. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Phải trả liên quan đến Quỹ từ thiện Thiên Phúc	1.028.022.166	1.028.022.166
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán	564.417.951	6.407.417.951
Phải trả khác	1.280.256.608	845.357.854
	2.872.696.725	8.280.797.971

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

27. Vay

	Biến động trong kỳ		30/6/2026 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	96.067.046.353	(108.275.409.998)	15.006.411.983
Vay dài hạn	102.069.878.401	(8.000.000.000)	242.069.878.401
	198.136.924.754	(116.275.409.998)	257.076.290.384

(a) Vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay ngắn hạn	15.006.411.983	27.214.775.628
Vay dài hạn đến hạn trả	16.000.000.000	16.000.000.000
	31.006.411.983	43.214.775.628



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo

	Loại tiền	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (*)	VND	15.006.411.983	14.268.551.500
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (*)	VND	-	12.946.224.128
		15.006.411.983	27.214.775.628

Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 4,70% đến 5,50%.

(*) Các khoản vay ngắn hạn này được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay dài hạn	242.069.878.401	148.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(16.000.000.000)	(16.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	226.069.878.401	132.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Quý Đầu tư Phát triển Tỉnh Gia Lai – cổ đông lớn (Thuyết minh 32)					
▪ Khoản vay có đảm bảo số 1 (*)	Tài trợ dự án nhà máy sản xuất được phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội: Nhà máy thuốc điều trị ung thư	VND	2026 - 2027	20.000.000.000	28.000.000.000
▪ Khoản vay có đảm bảo số 2 (**)	Tài trợ dự án nhà máy sản xuất được phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội: Dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ	VND	2027 - 2032	120.000.000.000	120.000.000.000
				140.000.000.000	148.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (***)	Tài trợ dự án nhà máy sản xuất được phẩm tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội: Dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ	VND	2028 - 2033	102.069.878.401	-
					242.069.878.401
Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 5,50% đến 7,00%.				148.000.000.000	148.000.000.000

(*) Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình của dự án nhà máy thuốc điều trị ung thư (Thuyết minh 16).

(**) Khoản vay này được bảo đảm bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ (Thuyết minh 20).

(***) Khoản vay này được bảo đảm bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 20) và chi phí chờ phân bổ dài hạn (Thuyết minh 15) của dự án nhà máy sản xuất thuốc vô trùng thể tích nhỏ.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	128.111.258.441	113.246.833.945
Trích quỹ trong kỳ	45.298.247	-
Hoàn nhập trong kỳ (Thuyết minh 31) (*)	(20.435.811.522)	-
Sử dụng trong kỳ	(3.663.357.342)	(2.097.617.249)
Số dư cuối kỳ	104.057.387.824	111.149.216.696

- (*) Vào ngày 25 tháng 4 năm 2026, Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty đã phê duyệt việc thay đổi phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025, theo đó tỷ lệ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm từ 10% xuống còn 3%. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập phần trích lập theo tỷ lệ kế hoạch đã được phê duyệt theo nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2025 số 56/NQ-ĐHĐCĐ2025 mà trước đây đã được ghi nhận vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và điều chỉnh tăng khoản này vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

29. Dự phòng phải trả dài hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	10.110.176.000	7.790.562.288

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.790.562.288	7.267.083.725
Trích lập trong kỳ	2.333.163.712	257.858.275
Sử dụng trong kỳ	(13.550.000)	-
Số dư cuối kỳ	10.110.176.000	7.524.942.000

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

30. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Theo Thông tư số 05/2022/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư 67/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính, các đơn vị được phép lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện và tiền được trả.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ như sau:

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026			
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	115.949.061.957	16.821.268.119	132.770.330.076
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(1.391.921.159)	(1.391.921.159)
Sử dụng quỹ	(6.997.988.589)	-	(6.997.988.589)
Số dư cuối kỳ	108.951.073.368	15.429.346.960	124.380.420.328

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025			
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định VND	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	88.177.085.243	19.466.934.377	107.644.019.620
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	-	(1.379.606.547)	(1.379.606.547)
Số dư cuối kỳ	88.177.085.243	18.087.327.830	106.264.413.073

41
ĐNC
Ổ P
TRAM
TẾ BÌ
BIDI
NH

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 (đã phân loại lại)	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-
Khác	-	-	(338.915.687)	-	(5.073.654.102)	-	(1.035.567.257)	(6.109.221.359)
								(338.915.687)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (đã phân loại lại)	935.938.470.000	20.921.442.000	2.068.918.418	(1.952.796.558)	(283.102.999)	201.686.964.998	480.551.014.396	1.638.930.910.255
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 (đã phân loại lại)	945.293.470.000	20.921.442.000	2.242.183.741	(1.952.796.558)	8.804.077.510	230.880.981.458	529.789.572.526	1.735.978.930.677
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	-	(45.298.247)	(45.298.247)
Điều chỉnh vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	-	-	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 34)	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-
Khác	-	-	(419.564.611)	-	1.104.509.676	-	(532.189.777)	572.319.899
								(419.564.611)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	945.293.470.000	20.921.442.000	1.822.619.130	(1.952.796.558)	9.908.587.186	230.880.981.458	530.139.297.114	1.737.013.600.330



Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR)**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)***32. Vốn cổ phần và cổ phiếu mua lại của chính mình**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	94.529.347	945.293.470.000
Cổ phiếu mua lại của chính mình		
Cổ phiếu phổ thông	40.085	1.952.796.558
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	94.489.262	944.892.620.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động về vốn cổ phần trong kỳ.

Các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Gia Lai (trước đây là Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Bình Định)	12.485.606	13,21%	12.485.606	13,21%
KWE Beteiligungen AG	10.542.550	11,15%	10.053.550	10,64%
Các cổ đông khác	71.461.106	75,60%	71.950.106	76,11%
Cổ phiếu mua lại của chính mình	40.085	0,04%	40.085	0,04%
	94.529.347	100%	94.529.347	100%

33. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định liên quan tới hợp đồng “Nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất và đánh giá tiền lâm sàng viên nang cứng chứa cao khô được tối ưu hóa từ dây thìa canh (*gymnema sylvestre*)”.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

34. Cổ tức

Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2026 đã thông qua việc phê duyệt chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2025 với tỷ lệ 20% mệnh giá (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu), với tổng giá trị là 188.978.524.000 VND (2025: 187.107.524.000 VND). Tại ngày 14 tháng 8 năm 2026, Hội đồng Quản trị phê duyệt nghị quyết thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng để xác định danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 28 tháng 8 năm 2026 và ngày thanh toán dự kiến là ngày 1 tháng 10 năm 2026. Tại ngày phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc chi trả cổ tức cho các cổ đông.

35. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

(a) Khoản phải thu về cho thuê

Các khoản phải thu về cho thuê theo các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng 1 năm	1.963.636.364	-
Từ 2 đến 5 năm	8.280.000.000	-
Trên 5 năm	22.518.720.000	-
	32.762.356.364	-

Tài sản cho thuê hoạt động gồm:

	Số lượng	Kỳ hạn cho thuê còn lại	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công trình nhà showroom nằm trên đường Tây Sơn, Phường Nhơn Nam, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.	1	166 tháng	32.762.356.364	-

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết đi thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng 1 năm	822.000.000	659.330.000
Từ 2 đến 5 năm	366.000.000	366.000.000
	1.188.000.000	1.025.330.000

Tài sản đi thuê hoạt động gồm:

	Số lượng	Kỳ hạn đi thuê còn lại	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê kho	2	6 – 18 tháng	618.000.000	672.000.000
Thuê nhà	1	24 tháng	480.000.000	-
Thuê văn phòng	1	9 tháng	90.000.000	353.330.000
			1.188.000.000	1.025.330.000

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	218.360.068.316	235.533.612.406

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

Chi tiết số dư cam kết chi tiêu vốn lớn theo các dự án:

	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026		
	Giá trị theo hợp đồng VND	Giá trị đã ghi nhận VND	Giá trị cam kết còn lại VND
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao	784.520.481.692	577.005.314.017	207.515.167.675
Dây chuyền thuốc tiêm bột	24.091.972.569	23.496.972.309	595.000.260

	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026		
	Giá trị theo hợp đồng VND	Giá trị đã ghi nhận VND	Giá trị cam kết còn lại VND
Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao	714.222.612.487	503.589.550.775	210.633.061.712
Dây chuyền thuốc tiêm bột	24.091.972.569	23.496.972.309	595.000.260

(d) Tài sản giữ hộ cho các bên thứ ba

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Sản phẩm thuốc	2.600.327.607	3.300.110.000

(e) Ngoại tệ

		30/6/2026	1/1/2026
		Tương đương VND	Tương đương VND
	Nguyên tệ		Nguyên tệ
USD	19.068	501.417.650	60.745
EUR	125	3.784.805	129
		505.202.455	1.587.972.823

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

36. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán dược phẩm	915.874.533.049	925.635.343.644
▪ Doanh thu bán dược phẩm mua ngoài	10.282.979.489	18.352.401.412
▪ Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	7.816.295.292	6.405.376.113
▪ Doanh thu bán vật tư y tế	2.694.451.000	2.060.049.502
▪ Doanh thu khác	1.406.567.512	86.855.315
	938.074.826.342	952.540.025.986
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán	16.082.092.955	35.472.522.732
▪ Hàng bán bị trả lại	2.239.437.287	1.485.433.212
	18.321.530.242	36.957.955.944
Doanh thu thuần	919.753.296.100	915.582.070.042

37. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn bán dược phẩm	481.142.812.640	425.954.148.579
▪ Giá vốn bán dược phẩm mua ngoài	9.861.214.210	17.517.220.651
▪ Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	1.371.341.152	3.000.294.195
▪ Giá vốn bán vật tư y tế	2.647.414.650	1.751.661.604
▪ Giá vốn khác	486.233.865	25.625.513
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.089.379.627)	(3.289.536.668)
	490.419.636.890	444.959.413.874

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

38. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi	17.023.231.303	8.483.129.106
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	939.769.525	725.035.081
	17.963.000.828	9.208.164.187

39. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán	4.738.681.035	3.862.700.264
Chi phí đi vay	1.502.114.786	1.504.623.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.001.424.234	1.329.156.493
	8.242.220.055	6.696.479.833

40. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	105.672.587.661	127.060.924.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.363.270.131	83.332.009.039
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.406.295.015	1.603.975.254
Chi phí bán hàng khác	26.838.680.720	13.737.089.052
	205.280.833.527	225.733.997.522

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

41. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	29.227.955.150	35.142.955.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.790.131.485	7.856.473.707
Chi phí khấu hao	1.214.410.630	4.594.233.109
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(736.361.337)	(2.636.652.332)
Chi phí quản lý khác	9.727.442.167	9.294.612.187
	48.223.578.095	54.251.622.322

42. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	407.783.373.895	307.843.209.880
Chi phí nhân công	212.165.685.238	206.998.076.616
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.707.336.031	24.822.085.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.147.206.505	126.862.757.489
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(3.492.577.252)	(5.668.330.725)
Chi phí khác	44.701.317.308	27.363.911.772

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

43. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	32.430.919.862	31.451.910.275
Dự phòng thiếu của những năm trước	560.090.881	-
	32.991.010.743	31.451.910.275
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	894.527.044	(151.253.729)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	33.885.537.787	31.300.656.546

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	203.355.462.877	202.646.412.130
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	40.671.092.575	40.529.282.426
Ưu đãi giảm thuế từ Nhà máy Nhơn Hội	(4.662.955.242)	(7.565.259.436)
Thu nhập miễn thuế từ Dược liệu Hữu cơ Bidiphar	(1.142.036)	(11.422.857)
Thu nhập miễn thuế từ lãi từ công ty liên kết	(3.679.391.156)	(2.318.228.336)
Chi phí không được khấu trừ thuế	201.376.852	664.139.294
Dự phòng thiếu của những năm trước	560.090.881	-
Khác	796.465.913	2.145.455
	33.885.537.787	31.300.656.546

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là:

- theo thuế suất thuế TNDN thông thường 20% trên thu nhập chịu thuế thu được từ hoạt động sản xuất từ nhà máy Nguyễn Thái Học; và
- miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong chín (9) năm tiếp theo trên thu nhập chịu thuế thu được từ nhà máy Nhơn Hội.

Các công ty con khác trong Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% thu nhập chịu thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam cao hơn so với các quốc gia khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc Công ty về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

(e) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Khấu hao tài sản cố định	6.989.694.772	7.394.572.128
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.284.130.127	6.302.006.052
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.022.035.200	1.558.112.458
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	400.000.000	400.000.000
Lợi nhuận chưa thực hiện	170.024.788	105.721.293
	14.865.884.887	15.760.411.931

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

44. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ quỹ vào khen thưởng, phúc lợi trong kỳ (bao gồm quỹ thưởng cho Ban điều hành), thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	169.469.925.090	171.345.755.584
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(8.473.496.255)	(8.567.287.779)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán (*)	(3.389.398.502)	(3.426.915.112)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	157.607.030.333	159.351.552.693
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (ii)	94.489.262	93.553.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (iii)	1.668	1.703

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại để phản ánh lợi nhuận phân phối thực tế (7% lợi nhuận thuần trong kỳ, trong đó 5% lợi nhuận thuần trong kỳ để phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và 2% lợi nhuận thuần trong kỳ cho thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán) đã được thông qua trong Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2026. Do đó, số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính có cùng tỷ lệ là 7% lợi nhuận thuần trong kỳ.

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 Số cổ phiếu	30/6/2025 Số cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	94.489.262	93.553.762

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phân bổ lại quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		
	Số liệu báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	171.345.755.584	-	171.345.755.584
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(20.561.490.670)	(11.994.202.891)	(8.567.287.779)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán	(3.426.915.112)	-	(3.426.915.112)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	147.357.349.802	(11.994.202.891)	159.351.552.693
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	93.553.762	-	93.553.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.575	128	1.703

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có khả năng suy giảm trọng yếu. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

45. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả) tại ngày	
		Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Cổ đông lớn Quý Dầu tư Phát triển tỉnh Gia Lai	Trả nợ vay	8.000.000.000	8.000.000.000	(140.000.000.000)	(148.000.000.000)
	Chi phí lãi vay ghi nhận trong				
	báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	892.165.000	1.449.862.000	-	-
	Chi phí lãi vay được vốn hóa vào				
	chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.272.877.000	-	(223.014.000)	(240.688.000)
	Chi phí lãi vay đã trả	4.182.716.000	1.376.219.000	-	-

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)*

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

		Kỳ sáu tháng kết thúc	
		30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Ban Giám đốc			
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc	2.151.550.402	2.068.820.000
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	1.697.240.322	1.644.200.000
Bà Bành Thị Ngọc Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	1.355.392.258	1.302.480.000
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc		
	(tới ngày 1 tháng 1 năm 2025)	-	462.100.000
Hội đồng Quản trị			
Ông Tạ Nam Bình	Chủ tịch và Thành viên		
	Độc lập của Hội đồng Quản trị	971.000.000	968.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Thành viên Hội đồng Quản trị	902.000.000	817.000.000
Ông Trương Thanh Liêm	Thành viên Hội đồng Quản trị	752.000.000	1.144.406.667
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên Hội đồng Quản trị	752.000.000	767.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị	752.000.000	767.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị	702.000.000	717.000.000
Ông Nguyễn Tiến Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	652.000.000	667.000.000
Ủy ban Kiểm toán			
Bà Nguyễn Thị Minh Giang	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	-	-
Ông Phan Tấn Thư	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	-	-

1.4
Cổ
Cổ
Được
Y
7

46. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản cố định mua nhưng chưa thanh toán	62.420.088.349	91.433.329.941
Chi phí lãi vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	223.014.000	240.688.000

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

47. Thông tin so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 99 và Thông tư 43 và thay đổi các chính sách kế toán. Các chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do việc thay đổi các chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

	Mã số	1/1/2026 VND (phân loại lại)	1/1/2026 VND (theo báo cáo trước đây)
Tài sản			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (i)	123	413.595.057.535	409.200.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (i)	135	4.538.112.905	8.933.170.440
Tài sản cố định hữu hình (ii)	221	272.520.459.520	271.987.287.244
<i>Nguyên giá (ii)</i>	222	850.722.766.638	849.656.422.084
<i>Khấu hao lũy kế (ii)</i>	223	(578.202.307.118)	(577.669.134.840)
Chi phí chờ phân bổ dài hạn (ii)	271	41.525.899.197	42.059.071.473
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn (iii)	237	950.687.803	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (iii)	252	539.211.914.318	540.162.602.121
Nguồn vốn			
Phải trả cổ tức (iv)	313	1.600.459.750	-
Phải trả ngắn hạn khác (iv)	320	8,280,797,971	9.881.257.721
Vốn khác của chủ sở hữu (v)	414	2.242.183.741	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác (v)		-	2.242.183.741
<i>Nguồn kinh phí (v)</i>		-	719.369.206
<i>Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định (v)</i>		-	1.522.814.535

- (i) Lãi phải thu liên quan của tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được phân loại lại từ phải thu ngắn hạn sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn.
- (ii) Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ được phân loại lại từ chi phí chờ phân bổ dài hạn sang tài sản cố định hữu hình.
- (iii) Cây trồng cho sản phẩm thu hoạch một lần dự kiến được thu hoạch sau hơn 12 tháng đã được phân loại lại từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn.
- (iv) Phải trả cổ tức được phân loại lại từ phải trả ngắn hạn khác sang phải trả cổ tức, một chỉ tiêu riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.
- (v) Nguồn kinh phí và quỹ khác, một chỉ tiêu riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, được phân loại sang vốn khác của chủ sở hữu.

00
CÔNG TY
PHÂN
HÀNH
BÌNH
ĐỊNH
VH C

Công ty Cổ Phần Dược - Trang Thiết Bị Y tế Bình Định (BIDIPHAR) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Bộ Tài chính)

48. Sự kiện sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Phê duyệt, ngày 21 tháng 8 năm 2026

Người lập



Lê Thị Kiều My
Người lập

Kế toán Trưởng



Đỗ Huy Phương
Kế toán Trưởng

Đại diện pháp luật



Phạm Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

